ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 924/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 08 tháng 5 năm 2014.*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT ngày 02/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 133/TTr-STNMT ngày 26/4/2014 và của UBND huyện Bù Đăng Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 16/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phê duyệt phương án quy hoạch sử dụng đất đến 2020 của thị trấn Đức Phong với các chỉ tiêu sau:

1.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất

STT	Loại đất	Hiện trạng 2011		Quy hoạch đến năm 2020			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp huyện phân bổ (ha)	Địa phương xác định (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)+(5)	(8)
	TỔNG DIỆN TÍCH TN (=1+2+3)	**1.009,96**	**100**	**1.009,96**	**0**	**1.009,96**	**100**

1	**Đất nông nghiệp**	**679,97**	**67,33**	**430,93**	**-3,62**	**427,31**	**42,31**
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa nước	12,20	1,21	12,20	0	12,20	1,21
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	0	0		20,00	20,00	1,98
1.3	Đất trồng cây lâu năm	664,55	65,80	415,51	-23,62	391,89	38,80
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	3,22	0,32	3,22	0	3,22	0,32
2	**Đất phi nông nghiệp**	**329,99**	**32,67**	**579,03**	**3,62**	**582,65**	**57,69**
	Trong đó:						
2.1	Đất trụ sở cơ quan, CT sự nghiệp	9,72	0,96	10,05	0,30	10,35	1,02
2.2	Đất quốc phòng	26,96	2,67	26,96	0	26,96	2,67
2.3	Đất an ninh	1,46	0,14	1,42	-0,03	1,39	0,14
2.4	Đất khu công nghiệp	0	0	20,00	0	20,00	1,98
2.5	Đất cơ sở sản xất kinh doanh	9,54	0,95	56,17	-0,05	56,12	5,56
2.6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,11	0,21	2,17	-0,06	2,11	0,21
2.7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2,11	0,21	4,90	-3,66	1,24	0,12
2.8	Đất có mặt nước chuyên dùng	25,50	2,53	0	0	0	0
2.9	Đất sông suối	55,23	5,47	55,23	0	55,23	5,47
2.10	Đất phát triển hạ tầng	142,84	14,14	277,13	-9,02	268,10	26,55
	Trong đó:						
-	Đất giao thông	75,67	7,49	194,12	0	194,12	19,22
-	Đất thủy lợi	18,31	1,81	18,31	0	18,31	1,81
-	Đất công trình năng lượng	22,62	2,24	22,62	0	22,62	2,24
-	Đất công trình bưu chính VT	0,08	0,01	0,29	-0,21	0,08	0,01
-	Đất cơ sở văn hoá	10,25	1,02	16,04	-1,32	14,72	1,46
-	Đất cơ sở y tế	4,55	0,45	7,79	-4,57	3,22	0,32
-	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	9,79	0,97	12,03	-1,38	10,65	1,05
-	Đất cơ sơ thể dục thể thao	1,36	0,14	5,18	-3,00	2,18	0,22
-	Đất chợ	0,20	0,02	0,74	1,46	2,20	0,22
2.11	Đất ở đô thị	54,53	5,40	125,00	16,15	141,15	13,98
3	**Đất chưa sử dụng**	**0,00**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
4	**Đất đô thị**	**1.009,96**		**1.009,96**		**1.009,96**	

1.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu	Cả thời kỳ (ha)	Phân theo kỳ (ha)	
			Kỳ đầu (2011-2015)	Kỳ cuối (2016-2020)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**253,53**	**85,88**	**167,64**
1.1	Đất trồng cây lâu năm	253,53	85,88	167,64
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**	**0**	**0**	**0**

2. Phê duyệt nội dung kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) thị trấn Đức Phong với các chỉ tiêu sau:

2.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng 2011	Phân theo năm (ha)			
			Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
	Tổng diện tích TN (1+2+3)	**1.009,96**	**1.009,96**	**1.009,96**	**1.009,96**	**1.009,96**

1	**Đất nông nghiệp**	**679,97**	**661,57**	**643,45**	**618,13**	**594,96**
	Trong đó:					
1.1	Đất lúa nước	12,20	12,20	12,20	12,20	12,20
1.2	Đất trồng cây lâu năm	664,55	646,15	628,03	602,71	579,54
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	3,22	3,22	3,22	3,22	3,22
2	**Đất phi nông nghiệp**	**329,99**	**348,39**	**366,51**	**391,83**	**415,00**
	Trong đó:					
2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	9,72	9,72	9,39	10,42	10,40
2.2	Đất quốc phòng	26,96	26,96	26,96	26,96	26,96
2.3	Đất an ninh	1,46	1,46	1,43	1,39	1,39
2.4	Đất khu công nghiệp	0	0	0	5,00	5,00
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	9,54	9,54	9,54	10,63	11,49
2.6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,11	2,11	2,11	2,11	2,11
2.7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2,11	2,11	1,24	1,24	1,24
2.8	Đất mặt nước chuyên dùng	25,50	25,50	25,50	25,50	25,50
2.9	Đất sông, suối	55,23	55,23	55,23	55,23	55,23
2.10	Đất phát triển hạ tầng	142,84	155,90	169,03	182,08	199,19
2.11	Đất phi nông nghiệp khác	54,53	59,87	66,07	71,27	76,50
3	**Đất chưa sử dụng**		**0**	**0**	**0**	**0**

2.2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Phân theo năm (ha)			
			Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi NN**	**85,88**	**18,40**	**18,99**	**25,32**	**23,17**
1.1	Đất trồng cây lâu năm	85,88	18,40	18,99	25,32	23,17
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Điều 2. Sau khi quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) thị trấn Đức Phong được phê duyệt, UBND huyện Bù Đăng có trách nhiệm tổ chức triển thực hiện theo các biện pháp, giải pháp sau:

1. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, rà soát quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất cho phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã.

2. Công bố công khai quy hoạch sử dụng đất đến 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của thị trấn Đức Phong đến các phòng, ban của huyện, UBND thị trấn và trên các phương tiện thông tin đại chúng;

3. Thực hiện nghiêm các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được tỉnh phê duyệt; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch; trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các trường hợp cần điều chỉnh thì trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

4. Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt; điều tiết phân bổ nguồn lực, bảo đảm lợi ích giữa các khu vực có điều kiện phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ với các khu vực giữ nhiều đất trồng lúa;

5. Đầu tư đồng bộ, hài hòa giữa xây dựng kết cấu hạ tầng với phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới, trong đó: ưu tiên dành quỹ đất cho các nhu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng đô thị, khu dân cư, đất xây dựng cơ sở hạ tầng, an ninh quốc phòng, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng tài nguyên đất đai bền vững và có hiệu quả;

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai, hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất đai và môi trường sinh thái;

7. Tiếp tục theo dõi, cập nhật thông tin về quản lý, sử dụng đất đai để điều chỉnh bổ sung, nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả thực tiễn cao của phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND thị trấn Đức Phong, Phân viện trưởng Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, P. KTN, KTTH;
- Lưu: VT(HH80).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trăm